

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 487 /2026/DSST

Ngày 25.5.2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bạch Phượng

Bà Hà Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 775 /2025/ DSST ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199 /2026/QĐST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2026 ngày 08 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1**

Địa chỉ: B -B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh N, chức vụ: Quyền tổng giám đốc

(Theo quyết định số 4039/ 2024/QĐ – PC ngày 27/12/2024 của Ngân hàng TMCP S1 và giấy uỷ quyền ngày 03/11/2025 của Chi nhánh Thủ đô -P)

***Bị Đơn: Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1988**

HKTT: Xóm 2, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Cư trú: Số 75, ngõ 175 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị B (Vợ anh S)**

Cư trú: Số G, ngõ A T, phường N, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/11/2023, anh S có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 349.494.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/10/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 11/8/2025, anh S còn nợ tổng số tiền là 94.952.774 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 56.475.560 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.477.214 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu anh S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên anh S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng kính đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Trường S phải thanh toán cho S2 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 11/8/2025 là: 94.952.774 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 56.475.560 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.477.214 đồng.

Anh Nguyễn Trường S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/05/2026 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến Toà nên không có lời khai.**

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Buộc anh Nguyễn Trường S phải trả cho Ngân hàng tính dư nợ còn thiếu tính đến ngày 25/05/2026 là: 75.461.400 đồng. Trong đó: nợ gốc: 49.994.000đồng; Lãi trong hạn: 2.495.040đồng; lãi quá hạn: 23.472.360đồng.

Nguyên đơn rút yêu cầu về phí phạt và phí vượt hạn mức.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do nên không có lời khai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tại phiên toà phát biểu quan điểm:

*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa nhận thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS

- ***Về việc thụ lý vụ án dân sự:*** Ngày 20/8/2025, TAND Khu vực 4 tiếp nhận đơn khởi kiện của S2. Ngày 28/10/2025 TAND khu vực 4 ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 04/11/2025, S2 đã nộp đủ. Ngày 05/11/2025, TAND khu vực 4 đã ra Quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký giải quyết vụ án, Thông báo thụ lý vụ án Dân sự số 775/TB-TLVA.

Việc thụ lý vụ án của Thẩm phán là đúng quy định tại Điều 195 BLTTDS. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện quy định tại Điều 191 BLTTDS.

- ***Về thẩm quyền thụ lý:*** Bị đơn là ông Nguyễn Trường S; Sinh năm: 1988; hiện đang nơi cư trú tại: Số G ngõ A T, phường N, TP Hà Nội. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35 BLTTDS, Điều 39 BLTTDS.

- ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng quy định tại khoản 3, Điều 26 BLTTDS.

- ***Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:*** Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự đảm bảo đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về thu thập tài liệu chứng cứ:

Thẩm phán đã thực hiện việc xác minh nơi cư trú hiện tại của bị đơn việc thu thập tài liệu chứng cứ đã bảo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

- ***Về thực hiện tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:*** Việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quy định tại Điều 207, 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

- **Về chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử:** Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- **Về tổng đạt, niêm yết, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự:** Thẩm phán thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo, văn bản tố tụng cho đương sự và VKS đúng quy định của BLTTDS. Tuy nhiên, Tòa án chưa tiến hành niêm yết tại trụ sở Tòa án là chưa đảm bảo quy định tại Điều 179 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa DSST sơ thẩm tại Chương XIV BLTTDS.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, tổng đạt niêm yết văn bản tố tụng đúng quy định nhưng không chấp hành, không đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đã không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng đồng thời từ chối quyền tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

***Về việc giải quyết vụ án dân sự:**

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc tranh tụng tại phiên tòa hôm nay nhận thấy:

Ngày 21/3/2029, anh Nguyễn Trường S ký với Ngân hàng TMCP S1 (S2) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh S, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng - mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 349.494.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 300.000.000 đồng. Kể từ ngày 25/10/2024 ông S đã không trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào cho Ngân hàng. Nên từ ngày 25/10/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. S2 đề nghị buộc anh Nguyễn Trường S phải thanh toán cho

S2 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 11/8/2025 là: 94.952.774 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 56.475.560 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.477.214 đồng.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị buộc anh Nguyễn Trường S thanh toán cho S2 tạm tính đến ngày xét xử (25/5/2026) là 75.461.4000 đồng (trong đó: nợ gốc: 49.494.000đồng; lãi trong hạn 2.495.040đồng, lãi quá hạn 23.472.360 đồng). Nguyên đơn rút yêu cầu về phí phạt và phí vượt hạn mức.

Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của S2 là phù hợp của quy định của pháp luật. Cụ thể:

Về nợ gốc: việc ký kết hợp đồng giữa S2 và anh Nguyễn Trường S là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên việc ký kết hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân) giữa S2 và anh S là hợp pháp. Việc anh S sử dụng thẻ không thanh toán nợ gốc (49.494.000đồng) và ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc là có căn cứ.

Về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Xét, Ngân hàng áp dụng lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024 nên có căn cứ chấp nhận.

Về phí vượt hạn mức, phí phạt: Ngân hàng xin rút yêu cầu này. Xét, việc rút 1 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 244 BLTTDS, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 244 BLTTHS, Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024, Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466, 468 BLDS:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Trường S phải thanh toán cho S2 toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký là: 75.461.4000 đồng (trong đó: nợ gốc: 49.494.000đồng; lãi trong hạn 2.495.040đồng, lãi quá hạn 23.472.360 đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu phí vượt hạn mức và các phí khác.

Anh Nguyễn Trường S có nghĩa vụ chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS cho đến khi tất toán khoản vay.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S1 có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1988; Cư trú: số G, ngõ A T, phường N, Thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội.

Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Toà làm việc, vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Việc anh sinh, chị B vắng mặt tại phiên toà là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh S, chị B là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân:

Ngày 10/11/2023, anh S có ký với Ngân hàng TMCP S1 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của anh S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 349.494.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại, anh S không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh S vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 25/10/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 11/8/2025, anh S còn nợ tổng số tiền là 94.952.774 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 56.475.560 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.477.214 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi cách tính lãi và đề nghị buộc anh Nguyễn Trường S thanh toán cho S2 tạm tính đến ngày xét xử (25/5/2026) là 75.461.4000 đồng (trong đó: nợ gốc: 49.494.000đồng; lãi trong hạn 2.495.040đồng, lãi quá hạn 23.472.360 đồng).

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà anh S đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về hình thức và nội dung. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối anh S phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử là 75.461.4000 đồng (trong đó: nợ gốc: 49.494.000đồng; lãi trong hạn 2.495.040đồng, lãi quá hạn 23.472.360 đồng). Yêu cầu này là chính đáng, có lợi cho bị đơn theo phù hợp với các thỏa thuận mà các bên đã ký kết, phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu anh S phải tiếp tục chịu lãi quá hạn kể từ sau ngày xét xử cho đến khi anh S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về phí vượt hạn mức, phí phạt: Xét Nguyên đơn xin rút phí vượt hạn mức, phí phạt là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 100, 101 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/NQ – QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với anh Nguyễn Trường S. Buộc anh S phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 tính đến ngày 25/5/2026 là 75.461.4000 đồng (trong đó: Nợ gốc: 49.494.000đồng; lãi trong hạn 2.495.040đồng; lãi quá hạn 23.472.360 đồng).

Kể từ ngày 26/5/2026, anh S còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S1).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu phí vượt hạn mức và các phí khác.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Trường S phải chịu 3.773.070 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014805 ngày 04/11/2025 tại Thi hành án Thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Hà nội;
- Thi hành án khu vực 4 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tuyết